

Số: 38/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hạng Thị L, sinh năm 1999; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CC: 000000 do BCA cấp ngày 19/12/2024; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Sùng Mí P, sinh năm 1997; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 002097009189 do Cục CSQLHCVTTXH - BCA cấp ngày 19/5/2024; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/11/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hạng Thị L và anh Sùng Mí P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hạng Thị L và anh Sùng Mí P nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 17 ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị Hạng Thị L và anh Sùng Mí P xác nhận có 03 con chung là Sùng Thị M1, sinh ngày 07/11/2016; Sùng Mí N, sinh ngày 25/6/2018 và Sùng Mí Ly, sinh ngày 10/10/2020. Ly hôn anh P, chị L thỏa thuận anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung Sùng Thị M1, Sùng Mí N và Sùng Mí Ly cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị L, anh P theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân